

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT MỸ - AVA HOME
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT MỸ - AVA HOME

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET MY - AVA HOME ARCHITECTURE AND TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET MY - AVA HOME., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108806839

3. Ngày thành lập: 03/07/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1, 16A1, Làng Việt kiều Châu Âu, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Nhóm này gồm: - Hoạt động liên quan tới vận tải hành khách, động vật hoặc hàng hóa bằng đường thủy; - Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; - Hoạt động của các cửa ngàm đường thủy; - Hoạt động hoa tiêu, lai dắt, đưa tàu cập bến; - Hoạt động của tàu, xà lan, Lash, hoạt động cứu hộ; - Hoạt động của trạm hải đăng.	5222
2.	Bốc xếp hàng hóa	5224
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Nhóm này gồm: - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường hàng không; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; - Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; - Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không; - Môi giới thuê tàu biển và máy bay; - Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.	5229
4.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510

5.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
6.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
7.	Dịch vụ ăn uống khác Nhóm này gồm: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể. Nhóm này cũng gồm: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền.	5629
8.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
9.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
10.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
11.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
12.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
13.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
14.	Hoạt động thú y	7500
15.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
16.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
17.	Đại lý du lịch	7911
18.	Hoạt động bảo vệ tư nhân Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ (Điều 3 Nghị định 96/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện an ninh, trật tự đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện)	8010
19.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
20.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
21.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
22.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
23.	Dịch vụ đóng gói	8292
24.	Giáo dục nhà trẻ	8511

25.	Giáo dục tiểu học	8521
26.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
27.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Cụ thể: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm(gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy đọc nhanh; - Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; - Dạy bay; - Đào tạo tự vệ; - Đào tạo về sự sống; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính.	8559
29.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
30.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Nhóm này gồm: - Việc cung cấp các dịch vụ không phải dạy học mà là hỗ trợ cho hệ thống hoặc quá trình giảng dạy: + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560
31.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; (Điều 28 Luật Thương mại năm 2005)	8299
32.	Xây dựng công trình đường sắt	4211

33.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Nhóm này gồm: - Xây dựng đường ống và hệ thống đường nước như: + Hệ thống thủy lợi (kênh). + Hồ chứa. - Xây dựng các công trình cửa: + Hệ thống thoát nước thải, bao gồm cả sửa chữa. + Nhà máy xử lý nước thải. + Trạm bơm.	4222
34.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229

35.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội, ngoại thất công trình; - Thiết kế cảnh quan; - Thiết kế kết cấu công trình; - Thiết kế điện, cơ điện công trình; - Thiết kế cấp, thoát nước; - Thiết kế thông gió, cấp thoát nhiệt; - Thiết kế mạng thông tin, liên lạc trong công trình xây dựng; - Thiết kế công trình - Thiết kế phòng cháy, chữa cháy; - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất, địa chất thủy văn công trình. - Tư vấn quản lý dự án; - Tư vấn lập dự án công trình xây dựng - Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; - Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ; - Giám sát khảo sát địa chất công trình, địa chất thủy văn; - Kiểm định công trình; - Giám sát khảo sát địa chất công trình giao thông; - Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng; - Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực; (Điều 46, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 52, Điều 63 Nghị định 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 18/06/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Điều 3 Nghị định 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 25/03/2015; Điều 5 Nghị định 62/2016 quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Điều 10 Nghị định 46/2015/NĐ-CP về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng)	7110(Chính)
36.	Xây dựng nhà để ở	4101
37.	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy; Lắp đặt hệ thống điện; Thi công lắp đặt hệ thống cơ - điện lạnh, hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp đến 35KV.	4321
38.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
39.	Phá dỡ	4311
40.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị xây dựng	7730

41.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu Bán buôn máy móc, thiết bị phòng cháy chữa cháy	4659
42.	Bán mô tô, xe máy	4541
43.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ định giá bất động sản; Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; (Điều 62 và 69 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014)	6820
44.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế tạo mẫu quảng cáo	7410
45.	Quảng cáo	7310
46.	In ấn	1811
47.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
48.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
49.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
50.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
52.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến hải sản)	4322
53.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
54.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống camera quan sát, hệ thống chống sét, hệ thống chống mối, hệ thống chống trộm, thang máy, cầu thang tự động.	4329
55.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

56.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: + Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các toà nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, + Uốn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ toà nhà, + Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, + Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, + Các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao. - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển.	4390
57.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
58.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
59.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
60.	Cho thuê xe có động cơ	7710
61.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 4, điều 5, điều 6, điều 7 điều 8 Nghị định 86/2014/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô)	4932
62.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
63.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
64.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
65.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
66.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
67.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112

68.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
69.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
70.	Trồng cây hàng năm khác Gồm: Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ và quy hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên; thả bèo nuôi lợn; trồng cây làm phân xanh (muồng muồng); v,v..	0119
71.	Trồng cây ăn quả	0121
72.	Trồng cây điều	0123
73.	Trồng cây hồ tiêu	0124
74.	Trồng cây cao su	0125
75.	Trồng cây cà phê	0126
76.	Trồng cây chè	0127
77.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
78.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
79.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết: - Xử lý cây trồng; - Phun thuốc bảo vệ thực vật, phòng chống sâu bệnh cho cây trồng, kích thích tăng trưởng, bảo hiểm cây trồng; - Cắt, xén, tỉa cây lâu năm; - Làm đất, gieo, cấy, sạ, thu hoạch; - Kiểm soát loài sinh vật gây hại trên giống cây trồng; - Kiểm tra hạt giống, cây giống; - Cho thuê máy nông nghiệp có người điều khiển; - Hoạt động tưới, tiêu nước phục vụ trồng trọt.	0161
80.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi Nhóm này gồm: Các hoạt động để lấy tiền công hay trên cơ sở hợp đồng lao động các công việc sau: - Hoạt động để thúc đẩy việc nhân giống; - Kiểm dịch vật nuôi, chẩn đoán cho ăn, thiên hoạn gia súc, gia cầm, rửa chuồng trại, lấy phân...; + Các hoạt động liên quan đến thụ tinh nhân tạo; + Cắt, xén lông cừu; + Các dịch vụ chăn thả, cho thuê đồng cỏ; + Nuôi dưỡng và thuần dưỡng thú; + Phân loại và lau sạch trứng gia cầm, lột da súc vật và các hoạt động có liên quan; + Đóng móng ngựa, trông nom ngựa.	0162

81.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch Nhóm này gồm: - Các khâu chuẩn bị trước khi bán sản phẩm, như làm sạch, phân loại, sơ chế, phơi sấy; - Tỉa hạt bông; - Sơ chế thô lá thuốc lá, thuốc lào; - Sơ chế thô hạt cô ca...;	0163
82.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
83.	Khai thác gỗ	0220
84.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
85.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
86.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
87.	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: - Chế biến và đóng hộp rau quả - Chế biến và bảo quản rau quả khác	1030
88.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
89.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
90.	Sản xuất giày, dép	1520
91.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
92.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

93.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: - Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, cụ thể: + Cán, tay cầm của dụng cụ, cán chổi, cán bàn chải, + Khuôn và nòng giày hoặc ủng, mắc áo, + Đồ dùng gia đình và đồ dùng nấu bếp bằng gỗ, + Tượng và đồ trang trí bằng gỗ, đồ khảm, trạm hoa văn bằng gỗ, + Hộp, tráp nhỏ đựng đồ trang sức quý và các vật phẩm tương tự bằng gỗ, + Các dụng cụ như ống chỉ, suốt chỉ, ống suốt, cuộn cuộn chỉ, máy khâu ren và các vật phẩm tương tự của guồng quay tơ bằng gỗ, + Các vật phẩm khác bằng gỗ. - Sản xuất củi đun từ gỗ ép hoặc nguyên liệu thay thế như bã cà phê hay đậu nành. - Sản xuất khung gương, khung tranh ảnh bằng gỗ; - Sản xuất khung tranh sơn dầu cho nghệ sỹ; - Sản xuất bộ phận giày bằng gỗ (như gót giày và cốt giày); - Sản xuất cán ô, ba toong và đồ tương tự; - Sản xuất bộ phận dùng trong sản xuất tàu thuốc lá.	1629
94.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
95.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
96.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
97.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
98.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
99.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
100.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
101.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
102.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
103.	Sửa chữa thiết bị khác Nhóm này gồm: Sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị không nằm trong các mã khác của nhóm này. Cụ thể: - Sửa chữa lưới đánh bắt cá, bao gồm cả phục hồi; - Sửa chữa dây, đòn bẩy, buồm, mái che; - Sửa chữa các túi để đựng phân bón và hoá chất; - Sửa chữa hoặc tân trang các tấm gỗ pallet kê hàng hoá, các thùng hoặc thùng hình ống trên tàu và các vật dụng tương tự; - Sửa chữa máy bắn bóng và máy chơi game dùng tiền xu khác, thiết bị chơi bowling và các vật dụng tương tự; - Dịch vụ phục vụ đàn organ và nhạc cụ tương tự.	3319
104.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

105.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
106.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
107.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
108.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
109.	Thu gom rác thải độc hại	3812
110.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
111.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
112.	Tái chế phế liệu	3830
113.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
114.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
115.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
116.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
117.	Bán buôn thực phẩm	4632
118.	Bán buôn đồ uống	4633
119.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
120.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
121.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
122.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
123.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
124.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
125.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, véc ni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	4663

126.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
127.	Bán buôn tổng hợp Nhóm này gồm: Bán buôn tổng hợp nhiều loại hàng hóa, không chuyên doanh loại hàng nào.	4690
128.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
129.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị	4719
130.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
131.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
132.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
133.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
134.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730

135.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Nhóm này gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Đồ ngũ kim; - Sơn, véc ni và sơn bóng; - Kính phẳng; - Vật liệu xây dựng khác như gạch, ngói, gỗ, thiết bị vệ sinh; - Thiết bị và vật liệu để tự làm. Nhóm này cũng gồm: Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng: - Máy cắt cỏ; - Phòng tắm hơi. - Bán lẻ đồ ngũ kim: khóa cửa, chốt cài, tay nắm cửa sổ và cửa ra vào...; - Bán lẻ dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói lợp mái; - Bán lẻ đá, cát, sỏi; - Bán lẻ vật liệu xây dựng khác.	4752
136.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
137.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Nhóm này gồm: - Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh, thiết bị quang học và thiết bị chính xác; - Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính; - Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; - Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh; - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tính ngưỡng khác; - Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; - Bán lẻ dầu hỏa, bình ga, than, củi sử dụng làm nhiên liệu để đun nấu trong gia đình; - Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau...; - Bán lẻ hàng hóa phi lương thực thực phẩm chưa được phân vào nhóm nào.	4773

138.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
139.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
140.	Vận tải đường ống	4940
141.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
142.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
143.	Vận tải hàng hóa hàng không	5120
144.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
145.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Nhóm này gồm: Các hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường sắt và đường bộ.	5221

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN MẠNH THANH	Số 1, Phố Yên Thái, Phường Hàng Gai, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	40,000	027063000173	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	40,000		

2	PHAN ĐÌNH PHÚC	Tổ dân phố Linh Tiên, Phường Thạch Linh, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	183412965
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000	
3	TRẦN QUANG HIỆP	Xóm 3, Xã Trảng Đà, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	070955049
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000	
4	NGUYỄN CÔNG MẠNH	Thôn Ngọc Trì, Xã Bình Định, Huyện Lương Tài, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	125203052
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000	

5	DƯƠNG HUY VỸ	Tổ dân phố Liên Phượng, Thị trấn Thiên Cầm, Huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	10,000	183239309
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN QUANG HIỆP

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 07/12/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 070955049

Ngày cấp: 09/06/2012

Nơi cấp: Công an tỉnh Hà Tĩnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, Xã Trảng Đà, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Lô 24 - BT8, Khu đô thị Văn Quán, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội